



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN  
KHOA DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**  
(Sustainable development of tourism)
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (3/0/6)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Địa lý du lịch Việt Nam
- Đơn vị phụ trách: Khoa Du lịch
- Số giờ tín chỉ: 45 tiết, trong đó:
  - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
  - Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
  - Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
  - Đồ án/ Khóa luận: 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Ngô An
- Chức danh, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: +84 91 817 35 50
- Email: ann@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Lưu Diễm Phúc
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: +84 90 995 55 62
- Email: phucnld@vhu.edu.vn

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về phát triển bền vững nói chung, phát triển bền vững trong du lịch nói riêng và các tiêu chí, nguyên tắc đảm bảo phát triển bền vững trong du lịch, nhằm giúp người học thông hiểu về những khái niệm, kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phát triển du lịch bền vững, giúp sinh viên phát hiện và xử lý những tình huống biểu hiện của sự phát triển không bền vững trong hoạt động du lịch ở các khu du lịch, doanh nghiệp quản lý kinh doanh du lịch.

Ngoài ra, học phần giới thiệu thực trạng phát triển du lịch Việt Nam, thực tiễn xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam và trên thế giới.

### 4. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về phát triển bền vững.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phát triển bền vững trong du lịch.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phân tích, đánh giá phát triển bền vững trong du lịch.
- Trang bị kiến thức về phát hiện và xử lý những tình huống biểu hiện của sự phát triển không bền vững trong hoạt động du lịch.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| Mã CDR                              | Nội dung chuẩn đầu ra                                                                                                           |
|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Kiến thức</b>                    |                                                                                                                                 |
| CLO1                                | <b>Trình bày</b> các khái niệm, kiến thức cơ bản về phát triển bền vững nói chung, phát triển bền vững trong du lịch nói riêng. |
| CLO2                                | <b>Giải thích</b> các công cụ phát triển bền vững ngành Du lịch.                                                                |
| CLO3                                | <b>Đánh giá</b> mô hình phát triển du lịch theo các tiêu chí, nguyên tắc đảm bảo phát triển bền vững trong du lịch.             |
| <b>Kỹ năng</b>                      |                                                                                                                                 |
| CLO4                                | <b>Vận dụng tư duy</b> phản biện trong thảo luận, phân tích các vấn đề học tập và thực tiễn, đưa ra kết luận hợp lý.            |
| CLO5                                | <b>Thảo luận, viết báo cáo và thuyết trình</b> trình bày kết quả làm việc một cách rõ ràng, mạch lạc.                           |
| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |                                                                                                                                 |
| CLO6                                | <b>Ý thức</b> bảo vệ môi trường và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.                                                             |

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra CTĐT và Chuẩn đầu ra học phần**

| <b>Chuẩn đầu ra</b> | <b>PLO1</b> | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO6</b> | <b>PLO11</b> |
|---------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|
| CLO1                | H           |             |             |             |              |
| CLO2                |             | H           |             |             |              |
| CLO3                |             |             | L           |             |              |
| CLO4                |             |             |             | M           |              |
| CLO5                |             |             |             | M           |              |
| CLO6                |             |             |             |             | H            |

## **6. Nội dung chi tiết của học phần**

### **6.1. Lý thuyết**

| <b>Chương</b>   | <b>Nội dung</b>                                                                                   | <b>Đáp ứng CLOs</b> |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>Chương 1</b> | <b>Những vấn đề lý luận chung</b>                                                                 | CLO1, CLO6          |
| 1.1.            | Những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững.                    |                     |
| 1.2.            | Các tiêu chuẩn đánh giá phát triển bền vững du lịch.                                              |                     |
| <b>Chương 2</b> | <b>Phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm</b>                                  | CLO3, CLO4          |
| 2.1.            | Phân tích thực trạng khai thác tài nguyên du lịch                                                 |                     |
| 2.2.            | Phát triển du lịch bền vững ở vùng bờ biển.                                                       |                     |
| 2.3.            | Phát triển du lịch bền vững ở miền núi.                                                           |                     |
| 2.4.            | Phát triển du lịch bền vững ở vùng đất có hệ sinh thái nguyên sinh, giá trị đa dạng sinh học cao. |                     |
| <b>Chương 3</b> | <b>Định hướng và các công cụ tăng cường phát triển du lịch bền vững</b>                           | CLO2, CLO4          |
| 3.1.            | Định hướng phát triển du lịch bền vững.                                                           |                     |
| 3.2.            | Các công cụ tăng cường phát triển du lịch bền vững.                                               |                     |
| <b>Chương 4</b> | <b>Cơ sở thực tiễn về phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam</b>                                  | CLO3, CLO5          |
| 4.1.            | Những vấn đề chung về phát triển du lịch ở Việt Nam.                                              |                     |
| 4.2.            | Thực trạng phát triển du lịch Việt Nam.                                                           |                     |
| 4.3.            | Định hướng, chiến lược, quy hoạch phát triển du lịch bền vững Việt Nam thời kỳ hội nhập.          |                     |

| Chương          | Nội dung                                                                                                   | Đáp ứng CLOs |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>Chương 5</b> | <b>Du lịch có trách nhiệm - giới thiệu mô hình phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam và trên thế giới</b> | CLO3, CLO4   |
| 5.1.            | Giới thiệu dự án chương trình phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm Môi trường, xã hội ở Việt Nam.    |              |
| 5.2.            | Tuyên bố về du lịch có trách nhiệm bền vững ở Việt Nam.                                                    |              |
| 5.3.            | Du lịch có trách nhiệm.                                                                                    |              |
| 5.4.            | Giới thiệu một số mô hình phát triển bền vững của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam.             |              |
| 5.5.            | Giới thiệu một số mô hình phát triển bền vững trên thế giới.                                               |              |

## 6.2. Thực hành

|        | Nội dung                                          | Đáp ứng CLOs     |
|--------|---------------------------------------------------|------------------|
| 6.2.1. | <b>Bài tập cá nhân</b>                            | CLO1, CLO4, CLO6 |
|        | Người học trả lời các câu hỏi ôn tập ở mỗi chương |                  |
| 6.2.2. | <b>Bài tập nhóm</b>                               |                  |
|        | Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp       | CLO4, CLO5, CLO6 |

## 7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

| Chương      | Tên chương                                                                                         | Số tiết tín chỉ |         |           |           |            | Ghi chú |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|-----------|-----------|------------|---------|
|             |                                                                                                    | Lý thuyết       | Bài tập | Thực hành | Tự học    | Tổng       |         |
| 1           | Những vấn đề lý luận chung                                                                         | 5               |         |           | 10        | 15         |         |
| 2           | Phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm                                          | 10              |         |           | 20        | 30         |         |
| 3           | Định hướng và các công cụ tăng cường phát triển du lịch bền vững                                   | 10              |         |           | 20        | 30         |         |
| 4           | Cơ sở thực tiễn về phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam                                          | 10              |         |           | 20        | 30         |         |
| 5           | Du lịch có trách nhiệm, giới thiệu mô hình phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam và trên thế giới | 10              |         |           | 20        | 30         |         |
| <b>Tổng</b> |                                                                                                    | <b>45</b>       |         |           | <b>90</b> | <b>135</b> |         |

## **CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN**

1. Những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá phát triển bền vững du lịch.
3. Khái niệm vùng sinh thái nhạy cảm, các vùng sinh thái nhạy cảm đặc trưng trong du lịch.
4. Các công cụ tăng cường phát triển du lịch bền vững.
5. Thực trạng phát triển du lịch Việt Nam.
6. Các định hướng, chiến lược phát triển du lịch bền vững Việt Nam thời kỳ hội nhập.
7. Phát triển du lịch có trách nhiệm bền vững ở Việt Nam.
8. Mô hình phát triển du lịch bền vững tiêu biểu ở Việt Nam.

### **8. Phương pháp giảng dạy:**

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Giao bài đọc về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy**

| Phương pháp giảng dạy | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 |
|-----------------------|------|------|------|------|------|------|
| Thuyết trình          | X    | X    | X    | X    |      |      |
| Giao bài đọc về nhà   | X    |      | X    |      |      |      |
| Hướng dẫn tự học      |      |      | X    | X    | X    |      |
| Thảo luận nhóm        | X    | X    | X    | X    | X    | X    |

### **9. Phương pháp học tập**

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

**Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập**

| Phương pháp học tập   | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 |
|-----------------------|------|------|------|------|------|------|
| Thuyết trình          | X    | X    | X    | X    |      |      |
| Làm việc nhóm         | X    | X    | X    | X    | X    | X    |
| Tự học, tự nghiên cứu |      |      | X    | X    | X    |      |

## 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

## 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
  - a. Điểm chuyên cần: dự lớp, trọng số 20%
  - b. Điểm thuyết trình: thuyết trình nhóm, trọng số 20%
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Tự luận

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá**

| Hình thức đánh giá | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 |
|--------------------|------|------|------|------|------|------|
| Tự luận            | X    | X    | X    | X    |      | X    |
| Thuyết trình       | X    | X    | X    | X    | X    |      |
| Chuyên cần         | X    |      |      |      |      | X    |

## 13. Tài liệu phục vụ cho học phần

### 13.1. Tài liệu chính

- Ngô An (chủ biên), 2020. *Tài liệu lưu hành nội bộ Phát triển du lịch bền vững*. ĐH Văn Hiến.

### 13.2. Tài liệu tham khảo

- ITDR (2018), Một số kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững trên thế giới: <http://itdr.org.vn/du-lich-quoc-te/mot-so-kinh-nghiem-phat-trien-du-lich-ben-vung-tren-the-gioi-2427.html>, truy cập 20/5/2021.
- Nguyễn Đình Hoà – Vũ Văn Hiếu. *Du lịch bền vững*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- Trần Đức Thanh, 2003. *Nhập môn khoa học du lịch*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên), 2011. *Quy hoạch du lịch*. Nxb. Giáo dục.

-Nguyễn Văn Thung, 2005. *Hỏi và đáp về Luật du lịch năm 2005*. NXB Chính trị Quốc gia.

-Phạm Trung Lương, 2010. *Đề tài Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch Việt Nam.

- Trang thông tin điện tử:

| STT | Địa chỉ WEB                                                            | Nội dung                                |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | <a href="http://www.itdr.org.vn">www.itdr.org.vn</a>                   | Trang tin của Tổng cục Du lịch Việt Nam |
| 2   | <a href="http://www.vietnamtourism.com">www.vietnamtourism.com</a>     | Kinh doanh dịch vụ du lịch Việt Nam     |
| 3   | <a href="http://www.baodulich.net.vn">www.baodulich.net.vn</a>         | Báo Du lịch Việt Nam                    |
| 4   | <a href="http://www.khamphadisan.com">www.khamphadisan.com</a>         | Khám phá di sản thế giới và Việt Nam    |
| 5   | <a href="http://www.dulichvietnam.com.vn">www.dulichvietnam.com.vn</a> | Thông tin về hoạt động du lịch Việt Nam |

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Trưởng Khoa/ Bộ môn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giảng viên biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS.TS Nguyễn Minh Đức**

**PGS.TS Phạm Xuân Hậu**

**ThS. Nguyễn Lưu Diễm Phúc**



## PHỤ LỤC CÁC RUBRICS ĐÁNH GIÁ

### Rubric 1. Đánh giá chuyên cần – tham gia hoạt động tại lớp (Chiếm 20% tổng điểm cuối cùng của môn học)

| TT | Tiêu chí chung                  | Tiêu chí cụ thể                 | Thang điểm                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                   | Tỷ trọng     |
|----|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|    |                                 |                                 | A (8,5-10)                                                                                                                                                             | B (7,0-8,4)                                                                                                                                                                            | C (5,5-6,9)                                                                                                                                                                                    | D (4,0-5,4)                                                                                                                                                                                                       | F (<4,0)                                                                                                                                                                                          |              |
| 1  | Chuyên cần                      | Chuyên cần                      | Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành                                                                                                 | Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ                                                                                                  | Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ                                                                                                   | Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ                                                                                                                                 | Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ                                                                                              | 50% (5 điểm) |
| 2  | Tham gia các hoạt động trên lớp | Bài tập về nhà (nếu có)         | Hoàn thành đầy đủ bài tập về nhà                                                                                                                                       | Thường xuyên làm bài tập về nhà đầy đủ                                                                                                                                                 | Làm bài tập về nhà tương đối đầy đủ                                                                                                                                                            | Có làm bài tập về nhà nhưng còn sơ sài                                                                                                                                                                            | Không làm bài tập về nhà                                                                                                                                                                          | 50% (5 điểm) |
|    |                                 | Tham gia các hoạt động trên lớp | Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận nhóm | Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận nhóm | Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm | Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gợi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận nhóm | Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gợi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận nhóm |              |

\* Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, nằm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền.



## Rubric 2. Rubric đánh giá bài thuyết trình nhóm

| TT | Tiêu chí chung | Tiêu chí cụ thể         | Thang điểm                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                   | Tỷ trọng        |
|----|----------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|    |                |                         | A (8,5-10)                                                                                                                                                                     | B (7,0-8,4)                                                                                                                                                                                                 | C (5,5-6,9)                                                                                                                                                                                                  | D (4,0-5,4)                                                                                                                                                                                     | F (<4,0)                                                                                                                                          |                 |
| 1  | Nội dung       | Nội dung                | Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; tất cả các nội dung đều có phân tích rõ ràng, có luận điểm hoặc ví dụ minh họa              | Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; một số nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa                                         | Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; khoảng 1/2 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa                                      | Trình bày không đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung chưa được nêu ra một cách logic; khoảng 2/3 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa              | Trình bày không đúng nội dung của đề tài                                                                                                          | 40%<br>(4 điểm) |
| 2  | Thuyết trình   | Bố cục                  | Bố cục: Đầy đủ các phần Giới thiệu nhóm, Giới thiệu đề tài, Giới thiệu các nội dung chính, Nội dung chính, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Câu hỏi thảo luận            | Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.                                                                                                                                                                  | Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.                                                                                                                                                               | Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định                                                                                                                                                   | Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định                                                                         | 40%<br>(4 điểm) |
|    |                | Phong cách thuyết trình | Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe | Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người nghe | Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe | Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lủng củng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe | Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không tương tác với người nghe |                 |
|    |                | Hình thức               | Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được                                                                                                                               | Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc                                                                                                                                                                 | Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc                                                                                                                                                                  | Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó                                                                                                                                                           | Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ                                                                                             |                 |

|   |               |                               |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                   |                |
|---|---------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|   |               | <i>slides</i>                 | từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung | được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng                                                                                   | được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa nhưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung                                                                       | khẩn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung                 | giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý                                                                                                               |                |
|   |               | <i>Thời gian trình bày</i>    | Đúng thời gian quy định                                                                                                                        | Quá thời gian quy định < 2 phút                                                                                                                                                                          | Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút                                                                                                                                                                        | Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút                                                                                                              | Quá thời gian quy định >5 phút                                                                                                                                                                    |                |
| 3 | Làm việc nhóm | <i>Hiệu quả làm việc nhóm</i> | Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.       | Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài. | Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài | Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài. | Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên không hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài. | 15% (1,5 điểm) |
|   |               | <i>Khả năng lãnh đạo</i>      | Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả                                                                              | Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả                                                                                                               | Phân chia công việc tương đối hợp lý;                                                                                                                                                                           | Phân chia công việc chưa hợp lý;                                                                                                                      | Phân chia công việc không hợp lý;                                                                                                                                                                 | 5% (0,5 điểm)  |

### Rubric 3. Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm

| Tiêu chí               | Trọng số %  | Tốt<br>8.5 - 10 điểm         | Khá<br>7.0 - 8.4 điểm       | Trung bình<br>4 - 6.9 điểm                                | Kém<br>0 - 3.9 điểm                              |
|------------------------|-------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Tham gia họp nhóm      | 15%         | Chia đều cho số lần họp nhóm |                             |                                                           |                                                  |
| Thái độ tham gia       | 15%         | Kết nối tốt                  | Kết nối khá tốt             | Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở         | Không kết nối                                    |
| Ý kiến đóng góp        | 20%         | Sáng tạo/rất hữu ích         | Hữu ích                     | Tương đối hữu ích                                         | Không hữu ích                                    |
| Thời gian nộp sản phẩm | 20%         | Đúng hạn                     | Trễ ít, không gây ảnh hưởng | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng quan trọng nhưng đã khắc phục | Không nộp/ Trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục |
| Chất lượng sản phẩm    | 30%         | Đáp ứng tốt/sáng tạo         | Đáp ứng khá tốt yêu cầu     | Đáp ứng 1 phần yêu cầu, còn sai sót quan trọng            | Không sử dụng được                               |
|                        | <b>100%</b> |                              |                             |                                                           |                                                  |

### Rubric 4. Kiểm tra tự luận

| TT | Tiêu chí chung                  | Tiêu chí cụ thể                                                          | Thang điểm                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                         |                                                                                  | Tỷ trọng                                      |
|----|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|    |                                 |                                                                          | A (8,5-10)                                                                                                                                                                                     | B (7,0-8,4)                                                                                                                                                                       | C (5,5-6,9)                                                                                                                                                         | D (4,0-5,4)                                                                                                                                                             | F (<4,0)                                                                         |                                               |
| 1  | Nội dung và hình thức trình bày | <i>Trả lời ngắn (câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức)</i>        | - Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án.<br>- Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.                                                                                  | - Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án.<br>- Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt                                                            | - Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án.<br>- Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.                                             | - Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án.<br>- Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.                                              | Không trình bày được hoặc trình bày sơ sài các thông tin về vấn đề được yêu cầu. | Giảng viên điều chỉnh theo từng đề thi cụ thể |
|    |                                 | <i>Tự luận (câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề)</i> | - Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra.<br>- Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình.<br>- Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt | - Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân.<br>- Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ.<br>- Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt. | - Thể hiện được hiểu biết về vấn đề.<br>- Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân.<br>- Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận.<br>- Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt. | - Trình bày vấn đề một cách đơn giản.<br>- Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân.<br>- Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận.<br>- Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt. | Không trình bày được hoặc trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.      |                                               |